

BÀI 1: LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC



Trong thực tế chúng ta thường nhắc đến nhà nước khi nói chuyện, khi xem truyền hình, đọc báo... Bạn hãy liệt kê 5 tình huống mà ở đó nhà nước được nhắc đến. Bạn có liên hệ gì giữa các tình huống đó với bức tranh ở trên?

Bài học này sẽ giúp bạn kiểm chứng lại những liên hệ mà bạn đã có.

Nội dung	Mục tiêu
<ul style="list-style-type: none"> Nguồn gốc, bản chất, chức năng của Nhà nước. Kiểu nhà nước và hình thức nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> Giúp học viên hiểu được nguồn gốc, bản chất của nhà nước. Trang bị cho học viên những kiến thức về kiểu nhà nước và hình thức nhà nước.
Các kiến thức cần có	Hướng dẫn học
<ul style="list-style-type: none"> Không đòi hỏi về kiến thức cần có. 	<p>Để học tốt bài này, học viên cần tham khảo các phương pháp học sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tham dự đầy đủ các buổi học trực tuyến. Đọc tài liệu, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Giáo trình Pháp luật đại cương của chương trình TOPICA; Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001). Thảo luận với giáo viên và học viên về các vấn đề chưa nắm rõ.
Thời lượng học	
<ul style="list-style-type: none"> 5 tiết 	

1.1. Nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước

1.1.1. Nguồn gốc của nhà nước

1.1.1.1. Xã hội cộng sản nguyên thủy và tổ chức thị tộc – bộ lạc

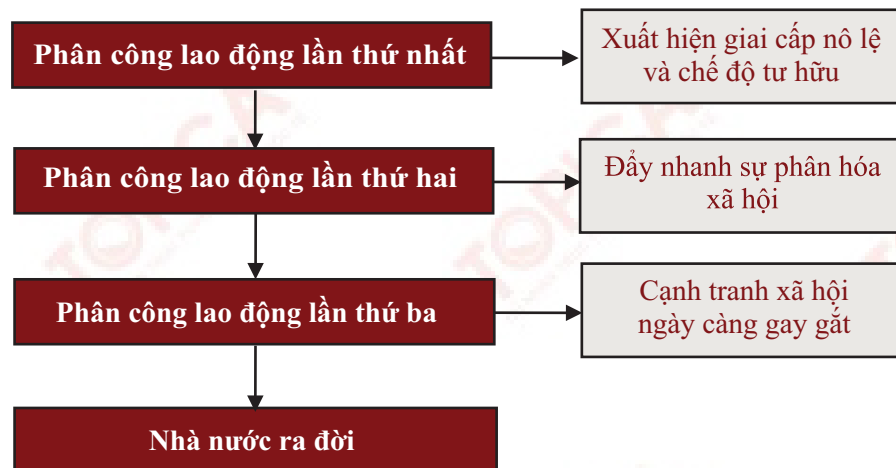
Tổ chức xã hội đầu tiên của loài người là xã hội cộng sản nguyên thủy. Đây là mô hình tổ chức xã hội với những đặc trưng về kinh tế là chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động. Với cơ sở kinh tế như vậy, trong xã hội cộng sản nguyên thủy mọi người đều bình đẳng, không có kẻ giàu, người nghèo, không có người bóc lột người.

Thuở bình minh của xã hội loài người, lực lượng sản xuất chưa phát triển nên con người chủ yếu sống dựa vào tự nhiên. Nhưng thiên nhiên vô cùng rộng lớn, con người cảm thấy quá nhỏ bé trước các hiện tượng kỳ vĩ của trời đất nên họ buộc phải chung sức để sinh tồn trước sức mạnh của tự nhiên. Hơn nữa, do sống phụ thuộc vào các sản vật do thiên nhiên ban tặng nên lúc này lao động chủ yếu của con người là hái lượm. Sự khéo léo của người phụ nữ là yếu tố cơ bản tạo cho họ có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại của cộng đồng. Điều này lý giải vì sao trong xã hội cộng sản nguyên thủy, dân cư được tổ chức theo quan hệ huyết thống và chế độ mẫu hệ.

Tế bào của xã hội là thị tộc, nhiều thị tộc hợp thành bào tộc, nhiều bào tộc hợp thành bộ lạc. Với cách thức tổ chức như trên nên quyền lực trong xã hội cộng sản nguyên thủy mang tính chất xã hội sâu sắc. Thực vậy, để thực hiện công việc lãnh đạo, mỗi thị tộc thành lập ra một Hội đồng thị tộc. Hội đồng này bao gồm tất cả những người lớn tuổi trong thị tộc. Hội đồng sẽ bầu ra thủ lĩnh hoặc tù trưởng. Những người lãnh đạo thị tộc có thể bị bãi miễn bất cứ khi nào không còn tín nhiệm của thị tộc nữa. Quyền lực của họ gắn liền với dân cư, dựa trên uy tín mà không dựa vào sự cưỡng chế.

Như vậy, trong xã hội cộng sản nguyên thủy chưa xuất hiện chế độ tư hữu và chưa có sự phân chia giai cấp, do đó quyền lực xã hội do dân cư tự tổ chức, không mang tính chính trị và giai cấp. Tuy nhiên, điều này sẽ dần dần bị phá vỡ khi xã hội ngày càng phát triển với ba lần phân công lao động xã hội. Mỗi lần phân công lao động xã hội đã dẫn đến những hệ quả nhất định và các hệ quả này chính là nguyên nhân cho sự ra đời Nhà nước.

1.1.1.2. Phân công lao động xã hội và các hệ quả của nó



Phân công lao động xã hội và các hệ quả

Sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất, tức là công cụ lao động ngày một cải tiến, thể lực, trí lực và kinh nghiệm của con người ngày càng phát triển và tích lũy theo thời gian đã dẫn đến những lần phân công lao động xã hội. Ba lần phân công lao động xã hội là ba dấu mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của xã hội loài người. Với khoa học pháp lý, đây chính là yếu tố để giải thích cho sự ra đời của Nhà nước.

• **Phân công lao động xã hội lần thứ nhất: Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt**

Sự phát triển của lực lượng sản xuất khiến cho con người có khả năng săn bắt được nhiều động vật hơn. Sản vật thu về ngày càng nhiều vượt quá nhu cầu cuộc sống của toàn xã hội. Điều đó đã dẫn đến có những động vật săn bắt được không được dùng làm thực phẩm như trước đây nữa mà được giữ lại và thuần hóa thành vật nuôi. Chính từ đó nghề chăn nuôi bắt đầu hình thành và phát triển. Sự ra đời và từng bước phát triển nghề này đã làm xuất hiện nhu cầu sức lao động cho chăn nuôi gia súc. Để đáp ứng nhu cầu đó, người ta không giết các tù nhân chiến tranh như trước đây mà giữ họ lại làm nô lệ để chăn nuôi gia súc. Ở thời kỳ đầu, nhu cầu sức lao động chưa cao nên số lượng nô lệ còn ít và sẽ tăng dần cùng với sự phát triển của quá trình chăn nuôi tách ra khỏi trồng trọt. Cũng từ đây, gia súc đã trở thành tài sản riêng của những người chủ chăn nuôi mà không còn thuộc về cả cộng đồng nữa. Như vậy, với sự phân công lao động xã hội lần thứ nhất, những yếu tố mới đã xuất hiện ở thời kỳ này, cụ thể là xuất hiện những người nô lệ và chế độ tư hữu.

• **Phân công lao động xã hội lần thứ hai: Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp**

Với việc tìm ra kim loại, đặc biệt là sắt nên nghề thủ công nghiệp ngày càng phát triển. Biểu hiện rõ nét của sự phát triển này đó là nghề dệt, nghề chế tạo đồ kim loại đã ra đời. Các công cụ lao động bằng kim loại xuất hiện khiến cho sản vật săn bắt, hái lượm thu về ngày càng nhiều hơn. Sản phẩm nông nghiệp dư thừa khiến con người nghĩ đến cách bảo quản chúng. Ngành sản xuất rượu vang, dầu thực vật ra đời là kết quả tất yếu của sự phát triển này.

Như vậy, lực lượng sản xuất không ngừng phát triển đã cho ra đời một ngành độc lập, tách khỏi nông nghiệp, đó là ngành thủ công nghiệp. Sự phân công lao động xã hội lần thứ hai đã dẫn đến hệ quả là đẩy nhanh phân hoá xã hội, theo đó trong xã hội người nào tích lũy được nhiều của cải cho riêng mình trở thành người giàu, ngược lại những tù binh và nô lệ ngày càng bị bần cùng hóa. Điều đó cũng làm cho mâu thuẫn giai cấp giữa chủ nô và nô lệ ngày càng trở nên gay gắt. Tuy nhiên, sự phát triển của lực lượng sản xuất không dừng lại ở đó mà xã hội tiếp tục đi đến lần phân công lao động xã hội thứ ba.

• **Phân công lao động xã hội lần thứ ba: Thương mại trở thành nghề độc lập**

Với hai lần phân công lao động xã hội như trên đã làm xuất hiện các ngành sản xuất khác nhau. Mỗi người không thể tự sản xuất cho tất cả nhu cầu của mình. Hơn nữa, với các ngành sản xuất đã được chuyên môn hóa nhất định thì hàng hóa tất yếu sẽ ra đời. Điều đó dẫn đến nhu cầu trao đổi hàng hóa. Đến lượt đó, nhu cầu này lại đòi hỏi vật trung gian cho hoạt động trao đổi. Kết quả là đồng tiền ra đời để đáp ứng đòi hỏi đó. Khi đồng tiền xuất hiện thì người ta có thể dùng tiền để mua hàng mà không chỉ đơn thuần hàng đổi hàng như trước đây nữa. Đối với những người không có tiền nhưng cần hàng hóa để đảm bảo cho cuộc sống thì không có cách nào khác là đi vay để mua hàng. Nạn cho vay nặng lãi cũng xuất hiện từ đây.

Những biến đổi sâu sắc trong xã hội như trên dẫn đến hệ quả là hình thành một đội ngũ thương nhân không tham gia vào sản xuất mà chỉ thực hiện các hoạt động thương mại. Điều đó làm cho mâu thuẫn giai cấp ngày càng trở nên gay gắt hơn. Những yếu tố này đã làm đảo lộn đời sống thị tộc. Chế độ thị tộc với đặc trưng là quyền lực xã hội do dân cư tự tổ chức, không mang tính chính trị và giai cấp đã không còn phù hợp nữa vì thực chất xã hội không còn bình đẳng như trước đây mà có sự phân chia giai cấp và người bóc lột người. Nhu cầu về một tổ chức mới với quyền lực phục vụ cho giai cấp thống trị xuất hiện. Tổ chức đó chính là Nhà nước. Như vậy, nhà nước ra đời là để làm dịu bớt những xung đột trong xã hội và giữ cho những xung đột đó nằm trong vòng trật tự.

Những phân tích trên cho thấy nhà nước ra đời khi và chỉ khi có hai điều kiện về kinh tế và xã hội. Theo đó, về kinh tế phải xuất hiện chế độ tư hữu và về xã hội phải có sự phân chia giai cấp.

Nhà nước ra đời thay thế cho thị tộc và điểm khác biệt cơ bản giữa hai tổ chức này là nếu thị tộc phân chia dân cư theo quan hệ huyết thống thì nhà nước thực hiện phân chia dân cư theo lãnh thổ. Hơn nữa, khác với tổ chức thị tộc là ở đó quyền lực xã hội do dân cư tự tổ chức, không mang tính chính trị và giai cấp thì đối với nhà nước quyền lực lại được thiết lập mang tính công cộng đặc biệt, phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị.

1.1.1.3. Đặc điểm của nhà nước

Nhà nước là một tổ chức nhưng so với các tổ chức xã hội khác, nhà nước có 5 đặc điểm và cũng là 5 điểm khác biệt so với các tổ chức xã hội. Những đặc điểm này bao gồm:

- **Thứ nhất, Nhà nước thiết lập quyền lực công cộng đặc biệt.** Quyền lực nhà nước không còn hòa nhập với dân cư như trong tổ chức thị tộc bộ lạc như trước đây mà nó gắn liền với quyền lực kinh tế, chính trị của giai cấp cầm quyền. Thông qua các cơ quan nhà nước và một đội ngũ những người được thuê, tuyển làm việc cho các cơ quan nhà nước đó, giai cấp thống trị thể hiện ý chí của mình và buộc các giai cấp khác phải phục tùng.
- **Thứ hai, Nhà nước phân chia dân cư theo lãnh thổ.** Nếu như trong xã hội cộng sản nguyên thủy, tổ chức xã hội được phân chia theo huyết thống thì nhà nước lại phân chia dân cư theo lãnh thổ để quản lý. Việc quản lý xã hội theo huyết thống không thể phát huy vai trò khi mâu thuẫn giai cấp đã trở nên gay gắt, chính vì vậy mà nhà nước ra đời. Nhà nước xuất hiện để giữ cho xã hội nằm trong vòng trật tự khi xã hội xuất hiện mâu thuẫn giai cấp. Vì phân chia dân cư theo lãnh thổ nên Nhà nước phải hình thành một bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương để thực hiện quyền lực của giai cấp thống trị.
- **Thứ ba, Nhà nước có chủ quyền quốc gia.** Các nhà nước có quyền độc lập, tự quyết về các hoạt động đối nội và đối ngoại mà không chịu tác động từ bên ngoài. Chủ quyền quốc gia là nội dung mang tính chính trị – pháp lý. Chỉ có nhà nước – thông qua bộ máy của mình – mới thực hiện quản lý nhà nước trong hoạt động đối nội và chủ động thực hiện hoạt động đối ngoại. Các tổ chức xã hội không thực hiện quản lý

nhà nước trừ một số ít trường hợp được nhà nước cho phép và có thể thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế nhưng phải trên cơ sở có sự đồng ý của nhà nước.

- **Thứ tư, Nhà nước ban hành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật.** Pháp luật là các quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các thành viên trong xã hội. Trong khi đó, các tổ chức xã hội chỉ có thể ban hành điều lệ của tổ chức. Điều lệ chỉ có tác động trong phạm vi của từng tổ chức và phải được sự đồng thuận của các thành viên tổ chức đó. Pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị, không nhất thiết phải được sự nhất trí của tất cả các thành viên trong xã hội nhưng khi đã được ban hành thì mọi người đều có nghĩa vụ tôn trọng pháp luật.
- **Thứ năm, nhà nước quy định và thực hiện thu các loại thuế.** Thuế là nguồn thu ngân sách để đảm bảo cho bộ máy nhà nước hoạt động, đồng thời là công cụ để điều tiết thu nhập trong xã hội. Việc thu thuế vừa để đảm bảo lợi ích của giai cấp thống trị đồng thời ở chừng mực nhất định vừa để thể hiện bản chất xã hội của nhà nước. Nói như vậy bởi vì bên cạnh việc thu thuế để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước thì nhà nước còn sử dụng thuế để thực hiện các hoạt động mang tính phúc lợi xã hội và điều tiết thu nhập giữa các bộ phận dân cư khác nhau. Như vậy, thuế vừa thể hiện bản chất giai cấp vừa thể hiện bản chất xã hội của nhà nước. Chỉ nhà nước mới có quyền đặt ra các loại thuế và thu thuế. Thuế có tác động đến mọi đối tượng thuộc diện chịu thuế theo quy định của nhà nước. Trong khi đó, các tổ chức xã hội chỉ có thể thu phí đối với thành viên của tổ chức mình. Việc định ra các loại phí phải dựa trên cơ sở đồng thuận và tự nguyện của thành viên tổ chức và được ghi vào điều lệ của tổ chức đó.



Hình minh họa

1.1.2. Bản chất của Nhà nước

Khi nghiên cứu về bản chất của nhà nước, học thuyết Mác – Lênin đã chỉ ra rằng: nhà nước nào cũng mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội. Sự khác biệt cơ bản về bản chất giữa các kiểu nhà nước là ở mức độ biểu hiện của bản chất giai cấp và bản chất xã hội mà thôi.

1.1.2.1. Bản chất giai cấp

Như đã phân tích ở trên, Nhà nước chỉ ra đời khi có hai điều kiện về kinh tế và xã hội, theo đó trong xã hội phải xuất hiện chế độ tư hữu và có sự phân chia giai cấp. Nhà nước ra đời là để giữ cho các xung đột xã hội nằm trong vòng trật tự.

Như vậy, Nhà nước chính là bộ máy cưỡng chế đặc biệt nằm trong tay của giai cấp cầm quyền, là công cụ để duy trì sự thống trị giai cấp và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Điều này cho thấy nhà nước nào cũng mang bản chất giai cấp sâu sắc mà không phụ thuộc vào kiểu hay hình thức nhà nước. Sự thống trị giai cấp trong



Hình minh họa

các nhà nước thể hiện trên ba phương diện, cụ thể là thống trị về kinh tế, thống trị về chính trị và thống trị về tư tưởng. Giai cấp cầm quyền có thể thực hiện được sự thống trị bởi vì họ có quyền lực kinh tế. Trên cơ sở đó, giai cấp cầm quyền sử dụng Nhà nước để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành ý chí của Nhà nước và buộc xã hội phải phục tùng. Điều đó có nghĩa là giai cấp cầm quyền đã thực hiện thống trị về chính trị. Việc thống trị về tư tưởng thể hiện ở chỗ, giai cấp cầm quyền xây dựng hệ tư tưởng của giai cấp mình, nâng lên thành hệ tư tưởng thống trị, buộc các giai cấp khác phải lệ thuộc mình về tư tưởng.

Đối chiếu bản chất giai cấp của nhà nước vào các kiểu nhà nước thì thấy nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến và nhà nước tư sản lần lượt bảo vệ lợi ích của chủ nô, địa chủ phong kiến và giai cấp tư sản đồng thời thực hiện bóc lột đối với nô lệ, nông dân và người lao động. Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng mang bản chất giai cấp, tuy nhiên, đây là nhà nước của quảng đại quần chúng lao động trấn áp thiểu số các phần tử bóc lột trong xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa sau khi hoàn thành sứ mệnh của mình sẽ tiêu vong và khi đó loài người sẽ tiến đến xã hội cộng sản chủ nghĩa.

1.1.2.2. Bản chất xã hội

Nhà nước ra đời không chỉ để thực hiện và duy trì sự thống trị giai cấp mà còn là để giải quyết các vấn đề chung của xã hội như giao thông, thông tin liên lạc và phòng chống tội phạm, bảo vệ Tổ quốc... Điều này cho thấy rằng, bên cạnh bản chất giai cấp, nhà nước còn mang bản chất xã hội. Nói cách khác, một mặt nhà nước bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền nhưng mặt khác Nhà nước cũng phải chú ý đến lợi ích chung của toàn xã hội.

Từ việc phân tích bản chất của nhà nước nói trên chúng ta rút ra định nghĩa nhà nước như sau: Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý nhằm duy trì trật tự xã hội, thực hiện mục đích bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị trong xã hội.



**Cuộc sống xã hội
đời thường**

1.1.3. Chức năng của nhà nước

Chức năng của nhà nước là những phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ đặt ra cho nó. Nhiệm vụ của mỗi nhà nước do cơ sở kinh tế và cơ cấu giai cấp trong Nhà nước đó quyết định. Chính vì vậy, các kiểu nhà nước có các chức năng khác nhau bởi chúng có cơ sở kinh tế – xã hội không giống nhau. Với các kiểu nhà nước bóc lột thì chức năng của nó là bảo vệ và duy trì sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và bóc lột đa số nhân dân lao động. Ngược lại, đối với nhà nước xã hội chủ nghĩa thì chức năng chủ yếu là bảo vệ lợi ích của đông đảo quần chúng và trấn áp thiểu số phần tử bóc lột.



Lãnh đạo Đảng và Nhà nước

Chức năng của Nhà nước được thực hiện thông qua hệ thống các cơ quan nhà nước. Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động của nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của mình mà phân chia chức năng của nhà nước thành hai nhóm: Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

1.1.3.1. Chức năng đối nội

Chức năng đối nội là những phương diện hoạt động chủ yếu của Nhà nước trong nội bộ đất nước.

Chức năng đối nội của nhà nước được thể hiện trên các mặt như bảo đảm trật tự xã hội, phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề về văn hóa, giáo dục...

Bất cứ nhà nước nào cũng phải thực hiện chức năng đối nội bởi đây là yếu tố cơ bản để thực hiện bảo vệ và duy trì sự thống trị giai cấp. Các nhà nước khác nhau sử dụng các phương pháp khác nhau để thực hiện chức năng đối nội. Điều đó phụ thuộc vào chế độ chính trị của mỗi nhà nước, tức là chế độ dân chủ hay phản dân chủ. Chức năng đối nội được thực hiện có hiệu quả sẽ tạo ổn định trong nội bộ đất nước và do đó có ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện chức năng đối ngoại của nó.



Hình minh họa

1.1.3.2. Chức năng đối ngoại

Chức năng đối ngoại là những phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước trong quan hệ với các nhà nước và các dân tộc khác.

Chức năng đối ngoại của nhà nước được thể hiện trên các mặt như bang giao với các quốc gia khác về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, khoa học – kỹ thuật...

Cần phân biệt chức năng đối ngoại với hoạt động đối ngoại của nhà nước. Hoạt động đối ngoại là khái niệm thường được dùng để chỉ mối quan hệ bang giao giữa các quốc gia về mặt chính trị, do đó đây chỉ là một biểu hiện của chức năng đối ngoại của nhà nước chứ không phải là tất cả. Bên cạnh hoạt động đối ngoại còn có các hoạt động khác để thực hiện chức năng đối ngoại của nhà nước như quan hệ kinh tế quốc tế, quan hệ hội nhập về văn hóa – xã hội...



Hội nghị Bộ trưởng ASEAN lần thứ 40

1.2. Kiểu nhà nước và hình thức nhà nước

1.2.1. Kiểu nhà nước

Kiểu nhà nước là tổng thể những dấu hiệu cơ bản, đặc thù của nhà nước, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại cũng như phát triển của nhà nước trong một hình thái kinh tế – xã hội nhất định.

Học thuyết Mác – Lênin chỉ ra rằng có năm kiểu hình thái kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, trong hình thái kinh tế xã hội cộng sản nguyên thủy, chế độ tư hữu chưa xuất hiện và do đó cũng chưa có sự phân chia giai cấp nên chưa có nhà nước. Chính vì vậy, chỉ có bốn kiểu nhà nước tương ứng với bốn hình thái kinh tế – xã hội có giai cấp, bao gồm:

- Kiểu nhà nước chủ nô;
- Kiểu nhà nước phong kiến;
- Kiểu nhà nước tư sản; và
- Kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Các kiểu nhà nước chủ nô, phong kiến, tư sản đều là công cụ để bảo vệ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, duy trì sự thống trị của thiểu số bóc lột đối với đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Vì vậy, các kiểu nhà nước này còn được gọi là nhà nước theo đúng nghĩa. Ngược lại, nhà nước xã hội chủ nghĩa là bộ máy do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức ra để trấn áp những phần tử bóc lột và phản động. Do đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ của đa số nhân dân lao động để trấn áp thiểu số giai cấp bóc lột. Đặc biệt là nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước cuối cùng trong lịch sử. Sau khi hoàn thành sứ mệnh của mình, nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ tiêu vong và không còn kiểu nhà nước nào khác thay thế. Vì những lý do như trên mà nhà nước xã hội chủ nghĩa còn được coi là “nhà nước nửa nhà nước”.



Hình minh họa

Theo học thuyết Mác – Lênin thì sự thay thế các hình thái kinh tế – xã hội là một quy luật phát triển tất yếu, theo đó hình thái kinh tế – xã hội mới, tiến bộ hơn sẽ thay thế hình thái kinh tế – xã hội đã lạc hậu. Đây là kết quả của mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Trong khi đó, mỗi hình thái kinh tế – xã hội lại tương ứng với một kiểu nhà nước, vậy nên sự thay thế kiểu nhà nước này bằng kiểu nhà nước khác tiến bộ hơn cũng sẽ là một quy luật tất yếu, phù hợp với quy luật về sự thay thế các hình thái kinh tế – xã hội nói trên. Theo quy luật này, nhà nước phong kiến ra đời sẽ thay thế cho nhà nước chủ nô, nhà nước tư sản thay thế nhà nước phong kiến và nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ thay thế nhà nước tư sản. *Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu Nhà nước cuối cùng trong lịch sử trước khi xã hội loài người tiến đến chủ nghĩa cộng sản mà ở đó chế độ tư hữu và sự phân chia giai cấp sẽ mất đi, xã hội không cần đến Nhà nước với tư cách là công cụ để duy trì sự thống trị giai cấp nữa.*

1.2.2. Hình thức nhà nước

Hình thức nhà nước là cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước của giai cấp thống trị, bao gồm ba yếu tố: Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc và chế độ chính trị. Như vậy, hình thức nhà nước là một khái niệm gồm ba yếu tố cấu thành, cụ thể là hình thức chính thể, hình thức cấu trúc và chế độ chính trị. Dưới đây chúng ta sẽ phân tích cụ thể từng yếu tố này.

1.2.3. Hình thức chính thể

Hình thức chính thể là khái niệm để chỉ trình tự hình thành, cách thức tổ chức và mối quan hệ cơ bản giữa các cơ quan tối cao của nhà nước.

Có hai hình thức chính thể cơ bản là chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa. Theo đó, chính thể quân chủ là hình thức trong đó quyền lực tối cao của Nhà nước tập trung toàn bộ (hay một phần) trong tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế. Chính thể cộng hòa là hình thức trong đó quyền lực tối cao của nhà nước thuộc về một cơ quan được bầu ra trong một thời gian nhất định.

Như vậy, sự khác biệt cơ bản giữa hai hình thức chính thể này là ở chỗ quyền lực tối cao của nhà nước thuộc về ai. Nếu quyền lực đó thuộc về người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế (cha truyền con nối) như trong các nhà nước phong kiến thì gọi là chính thể quân chủ. Nếu quyền lực tối cao thuộc về một cơ quan nhà nước được hình thành qua con đường bầu cử thì gọi là chính thể cộng hòa.

Từ hai hình thức cơ bản này, chính thể nhà nước có những biến dạng nhất định, cụ thể như sau:

- **Đối với hình thức chính thể quân chủ**, dựa vào việc xác định quyền lực Nhà nước tập trung toàn bộ trong tay một người hay có sự chia sẻ giữa các chủ thể khác nhau mà phân ra làm hai loại: Chính thể quân chủ tuyệt đối (còn gọi là quân chủ chuyên chế) và chính thể quân chủ hạn chế (còn gọi là quân chủ lập hiến).

Chính thể quân chủ tuyệt đối là hình thức mà ở đó quyền lực tối cao của nhà nước nằm trong tay một người như vua, hoàng đế. Trong chính thể này, người đứng đầu nhà nước có quyền lực vô hạn và quyền lực đó được duy trì theo hình thức cha truyền con nối. Hình thức chính thể này thường thấy trong các nhà nước phong kiến trước đây.

Chính thể quân chủ hạn chế là hình thức mà ở đó quyền lực tối cao của nhà nước được phân chia giữa người đứng đầu nhà nước (như vua, hoàng đế) và một cơ quan quyền lực nhà nước khác thường gọi là Nghị viện. Hình thức chính thể này hiện nay còn tồn tại ở một số nhà nước tư sản như Vương quốc Anh, Vương quốc Thụy Điển, Vương quốc Thái Lan... Ở những nước này, người đứng đầu nhà nước (như vua, hoàng hậu) vẫn còn tồn tại bên cạnh cơ quan nghị viện. Tuy nhiên, người đứng đầu nhà nước chỉ trị vì chứ không cai trị như trong hình thức chính thể quân chủ tuyệt đối.

- **Đối với hình thức chính thể cộng hòa**, dựa vào cách thức hình thành cơ quan quyền lực Nhà nước mà phân chia thành hai dạng: Chính thể cộng hòa dân chủ và chính thể cộng hòa quý tộc. Chính thể cộng hòa dân chủ là hình thức mà ở đó cơ quan quyền lực nhà nước được pháp luật quy định là do nhân dân bầu ra. Hiện nay, nhiều quốc gia đều quy định trong pháp luật của mình quyền bầu cử của nhân dân lao động. Tuy nhiên, cần lưu ý quy định về mặt hình thức pháp lý và những đảm bảo cho quy định đó được thực hiện trên thực tế. Mặc dù nhiều quốc gia thừa nhận hình thức chính thể cộng hòa dân chủ nhưng quyền bầu cử thực sự để hình thành nên các cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nhân dân lao động thường bị hạn chế hoặc vô hiệu hóa. Vấn đề này có thể thấy trong một số nhà nước tư sản hiện nay.

Chính thể cộng hòa quý tộc là hình thức mà ở đó cơ quan quyền lực nhà nước được pháp luật quy định do tầng lớp quý tộc bầu ra.

Hình thức chính thể này phổ biến trong các nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến trước đây.

1.2.3.1. Hình thức cấu trúc

Hình thức cấu trúc nhà nước là khái niệm dùng để chỉ cách thức cấu tạo nhà nước và mối quan hệ qua lại giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương.

Xét về mặt cấu trúc, có 2 hình thức nhà nước là nhà nước đơn nhất và nhà nước liên bang.

- **Nhà nước đơn nhất** là Nhà nước có chủ quyền chung, có hệ thống cơ quan quyền lực và quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương. Rất nhiều quốc gia được tổ chức dưới hình thức Nhà nước đơn nhất như Pháp, Việt Nam, Trung Quốc...

- **Nhà nước liên bang** khác với nhà nước đơn nhất là nhà nước có từ hai hay nhiều nước thành viên hợp lại và do đó có hai hệ thống cơ quan quyền lực và quản lý, một hệ thống chung cho toàn liên bang và một hệ thống trong các nước thành viên, có chủ quyền quốc gia chung của toàn liên bang và chủ quyền riêng của mỗi quốc gia thành viên. Một số quốc gia được tổ chức dưới hình thức Nhà nước liên bang như Malaysia, Mỹ, Nga, Đức...

Nghiên cứu nhà nước liên bang cần phân biệt với khái niệm liên minh. Hiện nay, có những liên minh kinh tế – chính trị ra đời nhưng không phải là Nhà nước mà chỉ là một tổ chức liên kết của nhiều quốc gia, chẳng hạn như Liên minh châu Âu (EU), cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG), hoặc các tổ chức quốc tế khu vực như Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)... Sở dĩ, các tổ chức này không phải là nhà nước bởi chúng không có đủ các dấu hiệu của một nhà nước (xem phần đặc điểm của nhà nước), chúng đơn thuần chỉ là sự liên kết của các quốc gia với nhau nhằm thực hiện các mục đích nhất định. Các quốc gia thành viên có thể trao một số quyền chủ quyền của mình (như đồng tiền chung, Nghị viện chung) cho Liên minh khối song vẫn duy trì tính độc lập trong hoạt động đối nội và đối ngoại của mình.



Liên minh châu Âu – EU

1.2.3.2. Chế độ chính trị

Chế độ chính trị là tổng thể các phương pháp mà cơ quan Nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực Nhà nước.

Các phương pháp để thực hiện quyền lực Nhà nước là vô cùng đa dạng, có sự khác nhau giữa các quốc gia, thậm chí ở một quốc gia phương pháp thực hiện quyền lực Nhà nước trong từng trường hợp, từng thời kỳ cũng không giống nhau. Dựa vào tiêu chí sự tham gia của nhân dân lao động và mối quan hệ giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước thì có thể nhóm các phương pháp thực hiện quyền lực Nhà nước thành hai dạng: Dân chủ và phản dân chủ.



Hình minh họa

- **Phương pháp dân chủ thể hiện sự tham gia của nhân dân lao động trong việc thực hiện quyền lực Nhà nước.** Tuy nhiên, giữa quy định mang tính dân chủ trong các văn bản pháp luật với dân chủ trên thực tế không phải lúc nào cũng đồng nhất. Chính vì vậy, phương pháp dân chủ có hai dạng: Dân chủ thực sự và dân chủ giả hiệu. Ngoài ra, dựa vào các tiêu chí khác như sự tham gia trực tiếp hay gián tiếp của nhân dân vào việc thực hiện quyền lực Nhà nước mà người ta còn phân thành dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp...
- **Phương pháp phản dân chủ thể hiện tính chất độc tài mà ở đó nhân dân không được tham gia thực hiện quyền lực Nhà nước mà chỉ có nghĩa vụ phục tùng mệnh lệnh của người đứng đầu.** Phương pháp này phát triển đến mức độ cao sẽ mang tính chất tàn bạo, quân phiệt và phát xít.

TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

Những vấn đề cần ghi nhớ trong bài 1:

- Bài này nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản nhất về nNhà nước như nguồn gốc ra đời, bản chất và chức năng của nhà nước, kiểu nhà nước và hình thức nhà nước.
- Thông qua việc nghiên cứu nguồn gốc nhà nước, phần 1.1 đã chỉ ra nhà nước là một hiện tượng lịch sử, xuất hiện khi có các điều kiện nhất định, đó là:
 - Điều kiện về kinh tế: xuất hiện chế độ tư hữu;
 - Điều kiện về xã hội: xã hội phân chia thành giai cấp.
- Từ đó đi đến kết luận về bản chất nhà nước theo đó bất cứ nhà nước nào cũng mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội.
- Phần 2 của bài này nghiên cứu các kiểu và các hình thức nhà nước. Ứng với 4 kiểu hình thái kinh tế xã hội có sự phân chia giai cấp là 4 kiểu nhà nước: nhà nước chiếm hữu nô lệ (nhà nước chủ nô), nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- Kiểu nhà nước nào cũng được biểu hiện dưới những hình thức nhất định, thể hiện ở hình thức chính thể, hình thức cấu trúc và chế độ chính trị.
- Có hai loại chính thể cơ bản là chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa. Mỗi loại có những biến dạng nhất định bao gồm quân chủ chuyên chế (quân chủ tuyệt đối) và quân chủ hạn chế (quân chủ lập hiến), cộng hòa dân chủ và cộng hòa quý tộc.
- Về hình thức cấu trúc, nhà nước có thể được tổ chức dưới dạng nhà nước liên bang hoặc nhà nước đơn nhất.
- Về chế độ chính trị, nNhà nước có thể sử dụng các phương pháp dân chủ hoặc phương pháp phản dân chủ để thực hiện quyền lực nhà nước.

CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

1. Nhà nước là một hiện tượng xã hội chỉ xuất hiện khi xã hội loài người phát triển đến một giai đoạn nhất định.
2. Nhà nước pháp quyền là một kiểu nhà nước mà ở đó hiến pháp và pháp luật được đề cao và triệt để tuân thủ.
3. Hình thức chính thể nhà nước quân chủ chỉ tồn tại trong xã hội phong kiến.
4. Quyền lực nhà nước trong các nhà nước luôn thống nhất từ trung ương đến địa phương.
5. Có bao nhiêu hình thái kinh tế xã hội thì có bấy nhiêu kiểu nhà nước.

CÂU HỎI CUỐI BÀI

1. Phân tích bản chất và những đặc điểm cơ bản của Nhà nước?
2. Khái niệm kiểu Nhà nước, hình thức Nhà nước. Các kiểu và các hình thức Nhà nước trong lịch sử?
3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: Cơ cấu của các cơ quan Nhà nước, phân loại cơ quan Nhà nước ở nước ta?
4. Bản chất Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phương hướng xây dựng, phát triển?
5. Tại sao nói Nhà nước là sản phẩm tất yếu của xã hội khi đã phân chia thành giai cấp và do giai cấp thống trị tự tổ chức thành?
6. Chế độ chính trị có liên quan gì đến hình thức Nhà nước?